

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN D, TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **84/2018/HNST**
Ngày: 31 – 10 - 2018
Về việc tranh chấp: “Ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN D, TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Mỹ Duyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Ngọc Sơn;

Ông Nguyễn Văn Chậu.

- Thư ký phiên Tòa: Ông Phạm Hoàng Nhân – là Thư ký Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện D tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Ngân – Kiểm sát viên

Ngày 31 tháng 10 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện D, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 353/2018/TLST – HNGĐ ngày 06 tháng 8 năm 2018 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 179/2018/QĐXXST- HNGĐ ngày 12 tháng 10 năm 2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lê Thị Cẩm H, sinh năm 1990. (Có mặt)

Địa chỉ: ấp D, xã T, huyện D, tỉnh Bến Tre.

- Bị đơn: Anh Đào Thanh A, sinh năm 1991 (Vắng mặt)

Địa chỉ: ấp D, xã T, huyện D, tỉnh Bến Tre.

Anh Đào Thanh A có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt đề ngày 04/9/2018.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn xin ly hôn đề ngày 05/7/2018, bản tự khai ngày 04/9/2018 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Lê Thị Cẩm H trình bày:*

Về hôn nhân: Chị và anh Đào Thanh A tự nguyện kết hôn với nhau vào năm 2010 và có có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện P, tỉnh Tiền Giang vào năm 2011. Quá trình chung sống thời gian đầu hạnh phúc, đến tháng 3/2018 vợ

chồng phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, mâu thuẫn về kinh tế, tiền bạc, anh A không phụ lo cho gia đình, nên vợ chồng thường cự cãi nhau, đã cố gắng hàn gắn nhưng không được, dù gia đình cha mẹ hai bên có hòa giải hàn gắn nhưng cũng không thành, vợ chồng đã ly thân từ tháng 03/2018 cho đến nay. Nay chị xác định không còn tình cảm vợ chồng với anh Đào Thanh A, nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Đào Thanh A.

- Về con chung: có 01 con chung tên Đào Thị Trường V, sinh ngày 29/7/2011. Hiện tại con chung đang sống với chị, khi ly hôn chị yêu cầu nuôi con và không yêu cầu anh A cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không có.

- Về nợ chung: Không có.

** Tại bản tự khai, đơn yêu cầu xét xử vắng mặt của anh Đào Thanh A đề ngày 04/9/2018, bị đơn anh Đào Thanh A trình bày:*

Do vợ chồng sống với nhau không hợp nữa, nên qua yêu cầu xin ly hôn của chị H là anh đồng ý. Về con chung: có 01 con chung tên Đào Thị Trường V, sinh ngày 29/7/2011, khi ly hôn anh đồng ý để chị H nuôi và anh không cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện D phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và ý kiến về nội dung giải quyết vụ án:*

- Về tuân theo pháp luật tố tụng :

Thẩm phán, Hội đồng xét xử, người tiến hành tố tụng, và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ tuân theo đúng quy định của pháp luật. Đối với bị đơn anh Đào Thanh A vắng mặt, tuy nhiên anh có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, nên không đặt ra vấn đề vi phạm nghĩa vụ.

- Về nội dung giải quyết vụ án:

+ Về hôn nhân: xét thấy vợ chồng chị H và anh A đã phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, mâu thuẫn về tiền bạc, cự cãi nhau, dù đã cố gắng hàn gắn nhưng không thành, anh và chị đã ly thân từ tháng 03/2018 cho đến nay mà không hàn gắn lại được, mỗi người đều có cuộc sống riêng, không còn quan tâm đến nhau, nay anh A cũng đồng ý ly hôn với chị H, nên yêu cầu ly hôn của chị H là có căn cứ.

+ Về con chung: có 01 con chung tên Đào Thị Trường V, sinh ngày 29/7/2011. Hiện tại con chung đang sống với chị H, khi ly hôn chị yêu cầu nuôi con và không yêu cầu anh A cấp dưỡng nuôi con, anh A cũng đồng ý để chị H nuôi con

chung. Xét thấy con chung của anh, chị đã đủ 07 tuổi và có nguyện vọng sống với mẹ, nên chị H có yêu cầu nuôi con cũng là phù hợp với nguyện vọng của con chung và phù hợp với quy định pháp luật. Ghi nhận sự tự nguyện chị H không yêu cầu anh A cấp dưỡng nuôi con.

+ Về tài sản chung, nợ chung: Không có, nên đề nghị Hội đồng xét xử không xét đến.

* Từ những phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H đối với anh A. Chị H được ly hôn với anh A.

- Về con chung: Chấp nhận yêu cầu nuôi con chung của chị H. Giao con chung tên Đào Thị Trường V, sinh ngày 29/7/2011 cho chị H nuôi dưỡng.

Ghi nhận việc chị H không yêu cầu anh A cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có, nên đề nghị Hội đồng xét xử không xét đến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh **tụng** tại phiên tòa, ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện D, Hội đồng xét xử nhận định:

- *Về tố tụng:*

[1]. Bị đơn anh Đào Thanh A có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết xét xử vắng mặt, nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh là phù hợp quy định tại **khoản 1 Điều 228** của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- *Về nội dung:*

[2]. *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Lê Thị Cẩm H và anh Đào Thanh A cưới nhau vào năm 2010 trên tinh thần tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện P, tỉnh Tiền Giang vào năm 2011 theo đúng quy định của pháp luật, nên quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh A được công nhận là hợp pháp.

[3]. Nay chị H yêu cầu ly hôn với anh A; anh A cũng đồng ý ly hôn vì anh cho rằng vợ chồng sống với nhau không hợp nữa.

[4]. *Hội đồng xét xử xét thấy:* Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, trong đó có biên bản xác minh tại chính quyền địa phương, cũng như lời khai của chị H và anh A đều xác định được cuộc sống vợ chồng của anh chị đã không còn hạnh phúc, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, chị H xác định vợ chồng mâu thuẫn về kinh tế, tiền bạc, anh A không phụ lo cho gia đình, nên vợ chồng thường cự cãi nhau, không thể hàn gắn lại được, đã ly thân từ tháng 03/2018 cho đến nay,

không còn sống chung với nhau, mỗi người đều có cuộc sống riêng không ai quan tâm đến ai, giữa chị H và anh A đã không còn quan tâm, chăm sóc đến cuộc sống của nhau, cùng nhau chia sẻ thực hiện các công việc trong gia đình. Điều đó, chứng tỏ hôn nhân của chị H và anh A đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nay anh A cũng đồng ý ly hôn với chị H. Do đó, yêu cầu ly hôn của chị H là có căn cứ và phù hợp theo quy định tại Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị H đối với anh A.

[5]. *Về con chung*: Quá trình chung sống chị H và anh A có 01 con chung tên Đào Thị Trường V, sinh ngày 29/7/2011. Hiện con chung đang sống với chị H, khi ly hôn chị H yêu cầu được nuôi con chung.

[6]. *Hội đồng xét xử xét thấy*: Xuất phát từ lợi ích mọi mặt của cháu V, xét thấy từ trước đến nay con chung đều sống với chị H, việc chị H nuôi con chung vẫn phát triển bình thường, chị có công việc và thu nhập ổn định. Đối với cháu V tại thời điểm giải quyết ly hôn giữa chị H và anh A, thì cháu đã đủ 07 tuổi và có nguyện vọng sống với chị H, anh A cũng đồng ý để cháu V cho chị H nuôi dưỡng. Nên nhằm ổn định về tinh thần của con chung anh và chị, cần để cháu V cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng cũng là phù hợp với nguyện vọng của cháu V và phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu nuôi con chung của chị H.

[7]. *Về cấp dưỡng nuôi con*: Chị H nuôi con chung, không yêu cầu anh A cấp dưỡng nuôi con, nên được Hội đồng xét xử ghi nhận và không xét đến.

[8]. *Về tài sản chung*: Hai bên khai không có, nên Hội đồng xét xử không xét đến.

[9]. *Về nợ chung*: Hai bên khai không có, nên Hội đồng xét xử không xét đến.

[10]. *Đối với lời trình bày của Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện D về quan điểm giải quyết vụ án*: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở; và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

- *Về án phí hôn nhân sơ thẩm*:

[11]. Căn cứ theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

[12]. Chị Lê Thị Cẩm H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84, 119 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Lê Thị Cẩm H đối với anh Đào Thanh A.

Cho ly hôn giữa chị Lê Thị Cẩm H và anh Đào Thanh A.

Quan hệ hôn nhân giữa chị Lê Thị Cẩm H và anh Đào Thanh A chấm dứt kể từ ngày bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

2. Về nuôi con chung: Giao con chung Đào Thị Trường V, sinh ngày 29/7/2011 cho chị Lê Thị Cẩm H trực tiếp nuôi dưỡng và phù hợp với nguyện vọng của cháu V.

Ghi nhận sự tự nguyện chị H nuôi con chung không yêu cầu anh A cấp dưỡng nuôi con.

Anh A không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Chị H trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở anh A trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84, Điều 119 của luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và quyết định việc thay đổi yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Hai bên khai không có, nên không xét đến.

4. Về nợ chung: Hai bên khai không có, nên không xét đến.

5. Về án phí hôn nhân sơ thẩm:

Chị Lê Thị Cẩm H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị H đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0018117 ngày 01 tháng 8 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện D, tỉnh Bến Tre. Như vậy, chị Lê Thị Cẩm H đã nộp đủ án phí.

Chị Lê Thị Cẩm H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với anh Đào Thanh A vắng mặt tại phiên tòa, có

quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre (phòng KTNV - THA);
- VKSND huyện D;
- Chi cục THADS huyện D;
- UBND xã T, huyện P,
Tỉnh Tiền Giang.
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trần Thị Mỹ Duyên